

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HS-ST

Ngày: 25/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L**

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Yên Nhi**

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Q**

2. Ông **Võ Thanh Đức**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh** – Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Bích Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở TAND thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số 18/2022/TLST-HS ngày 09/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HS ngày 12/4/2022 đối với các bị cáo:

1/ NGUYỄN VĂN Q (tên gọi khác: **Sài Gòn**), sinh năm: 1990 tại Trà Vinh; Nơi cư trú: Không xác định; Chỗ ở: Thôn Láng Gòn 2, xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị B (chết), Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án: 03 tiền án

+ Ngày 21/9/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (Bản án số 34/2010/HSST). Q chấp hành xong hình phạt vào ngày 09/4/2015, chưa được xóa án tích;

+ Ngày 24/9/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 68/2015/HSST). Q chấp hành xong hình phạt vào ngày 04/7/2016, chưa được xóa án tích

+ Ngày 31/8/2017, bị Tòa án nhân dân Quận K, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 172/2017/HSST). Q chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/3/2021, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 15/11/2005, bị Ủy ban nhân dân thị xã V áp dụng biện pháp xử lý hành chính “Đưa vào trường Giáo dưỡng”, trong thời hạn 24 tháng do có hành vi “Đánh nhau làm mất trật tự và trộm cắp tài sản” (Quyết định số 1041/QĐ-UBND)

Bị cáo bị bắt ngày 13/7/2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L (Có mặt).

2/ TRƯƠNG THANH T, sinh năm: 1989 tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn Láng Gòn 2, xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: Khu phố 9, phường C, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn C, sinh năm 1961 và bà Trương Thị S (chết), Vợ: Lê Thị Hồng O, sinh năm 1990 (đã ly hôn), Có 01 con, sinh năm 2009; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo hiện tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thị xã L (Có mặt).

* **Bị hại:** **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1993 – Nơi cư trú: Thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Có mặt).

* **Người làm chứng:**

1/ Anh **Nguyễn Minh C (Lửa)**, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Khu phố 8, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

2/ Chị **Lê Thị Thanh P (Ngọc)**, sinh năm 2003. Nơi cư trú: Khu phố 6, phường C, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

3/ Chị **Đinh Thị Minh H**, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Khu phố 9, phường C, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 20 phút ngày 10/7/2021, Nguyễn Văn Q điều khiển xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen, BKS: 86B6-242.86 cùng Nguyễn Minh C điều khiển xe mô tô chở Lê Thị Thanh P đi theo hướng từ xã D đến phường C để về nhà P lấy Chứng minh nhân dân thuê nhà nghỉ. Khi đi đến đoạn đường Nguyễn Tri Phương thuộc thôn Tân Lý 2, xã D, thị xã L, Khu dân cư Rừng Dầu, phía trước Văn phòng giao dịch bất động sản Sài Gòn – B, Q, C và P nhìn thấy Nguyễn Văn H đang đứng bên lề đường cùng 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đỏ đen, BKS: 86B6-459.85, trên xe có 01 lồng sắt cùng 01 túi đựng dụng cụ bắt mèo. Lúc này, Q tắt xe vào chỗ Nguyễn Văn H đang đứng, còn C tiếp tục điều khiển xe chở P về nhà P. Sau khi dừng xe, Q hỏi H “Mày làm gì ở đây” thì H trả lời “Em đi bắt mèo”. Lúc này, Q xuống xe và yêu cầu H bỏ tất cả đồ trong xe cho Q kiểm tra. Sau khi kiểm tra xong, Q rút trong

Ti quần ra 01 cái còng số 8 cho H nhìn thấy và bỏ vào Ti quần lại, đồng thời yêu cầu H dắt xe mô tô của H đi về phía trước, đi được một đoạn khoảng 30m, Q yêu cầu H dẫn xe vào đường hẻm sát quán cà phê L Land và tiếp tục đi đến một đoạn đường vắng thì dừng lại. Lúc này, Q lấy từ xe xuống 01 cây rựa cán gỗ, lưỡi bằng kim loại dựng vào bên hông xe, Q tiếp tục rút còng số 8 ra, yêu cầu H đưa tay ra trước để còng tay H. Tại thời điểm đêm khuya, khu vực xảy ra vụ việc dân cư thưa thớt, chìa khóa xe đã bị Q lấy mất, đồng thời nhìn thấy Q có một cây rựa do vậy H hoảng sợ, không dám phản kháng và đưa hai tay ra phía trước. Tuy nhiên, khi Q đang định còng tay H thì H sợ hãi rút tay lại, bỏ chạy khỏi hiện trường, để lại 01 xe mô tô BKS: 86B6-459.85 cùng 01 cái lồng sắt, 01 túi đựng dụng cụ bẫy mèo trên xe. Sau khi H bỏ đi, Q lấy xe mô tô BKS: 86B6-459.85 của H đem cất giấu ở bụi cây trong khu đất trống cách đường Nguyễn Tri Phương khoảng 140m.

Sau đó, Q điều khiển xe mô tô BKS: 86B6-242.86 của Q ra lại đường hẻm sát quán cà phê L Land, khi ra đến đường Nguyễn Tri Phương thì Q thấy C và P đang tìm Q tại khu vực trước Văn phòng giao dịch bất động sản Sài Gòn - B, cả 3 đi đến nhà nghỉ Anh Đào thuộc khu phố 3, phường Tân Thiện để thuê phòng nghỉ cho C và P. Trên đường đi, Q nói C lát vô thuê nhà nghỉ rồi để P ở đó, C đi công chuyện với Q một chút, nhưng C và P không đồng ý.

Sau khi đưa tiền để C và P thuê phòng ngủ, lúc này khoảng gần 02 giờ sáng ngày 10/7/2021, Q điều khiển xe mô tô 86B6-242.86 đến phòng trọ của Trương Thanh T, (đang chung sống với Đinh Thị Minh H) tại khu phố 9, phường C, L). Tại đây, Q đã kể cho T nghe về việc đã cướp được 01 xe mô tô, H cũng nghe được toàn bộ sự việc. Q nhờ T đi mang xe về giúp, T đồng ý. Q dùng xe mô tô 86B6-242.86 chở T đến vị trí mà Q cất giấu xe đã chiếm đoạt của Hoà. Tại vị trí cất giấu xe, T thấy 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 86B6-459.85, 01 lồng sắt cùng một số đồ vật. Q tháo dỡ cái lồng sắt và cái Ti nhựa trên xe của H ném xuống đất. Q điều khiển xe mô tô 86B6-459.85 của H còn T điều khiển xe mô tô của Q, cả 2 đi đường Thống Nhất về xã A, huyện B. Khi đến gần nhà của T tại thôn Láng Gòn 1, xã A, huyện B, thì Q đưa xe 86B6-459.85 cho T điều khiển vào nhà T cất giữ, rồi cả 2 điều khiển xe 86B6-242.86 về lại nhà trọ của T ngủ.

Đối với Nguyễn Văn H, sau khi bị Nguyễn Văn Q uy hiếp, H bỏ chạy về hướng chợ Bình An thuộc thôn Bình An 1, xã D, thị xã L. Tại đây, H gọi điện cho người thân và đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 10/7/2021, H đến Công an xã D, thị xã L trình báo sự việc. Đồng thời, H giao nộp cho Cơ quan CSĐT các tài sản, đồ vật của H nhặt lại được ở gần hiện trường nơi xảy ra vụ cướp tài sản gồm: 01 cái lồng sắt, 01 túi ba lô bên trong đựng các dụng cụ để bẫy mèo.

Đến ngày 13/7/2021, qua quá trình xác minh, theo dõi, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã bắt khẩn cấp Nguyễn Văn Q. Quá trình bắt giữ Q, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã thu giữ được 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ đen, BKS: 86B6-242.86; 01 bộ cồng số 8; 01 cây rựa cán gỗ kích thước 50cm; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh (nắp lưng); 01 điện thoại di động hiệu mobell màu xanh đen.

Sau khi nghe tin Q bị bắt, Trương Thanh T lo sợ bị phát hiện nên đã liên lạc cho con ruột của mình là Trương Lê Thanh T, đem xe mô tô 86B6-459.85 qua nhà ông nội của Tuấn là Trương Văn C (cha ruột của T), để cất giấu. Sau đó, Cơ quan CSĐT đã tiến hành tạm giữ xe mô tô trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-ĐGTS ngày 14/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thị xã L xác định: 01 xe mô tô hiệu Honda loại Wave, màu đỏ đen bạc, biển số 86B6-459.85, đã qua sử dụng, có giá trị là: 12.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn Q không nhận tội. Q khai nhận khi đi cùng Nguyễn Minh C và Lê Thị Thanh P thì Q thấy H đang đậu xe ở đường Nguyễn Tri P, sau đó Q tiếp tục điều khiển xe đi cùng với C và P chứ không dừng lại nói chuyện với Hoà. Đi được một đoạn thì Q ghé vào nhà anh Nga ở khu dân cư Rừng Dầu để nói chuyện. Sau đó, Q trở ra thì gặp lại C và P, cả ba tiếp tục đi thuê nhà nghỉ cho C và P, còn Q một mình đi xuống phòng trọ của Trương Thanh T để ngủ. Đến chiều ngày 11/7/2021, Q điều khiển xe về nhà lại thì được Cơ quan điều tra mời về trụ sở làm việc.

Vật chứng vụ án: Gồm có 01 xe mô tô loại Wave, màu đỏ đen, BKS: 86B6-459.85, 01 lồng sắt, 01 túi đựng các đồ vật dùng để bẫy mèo, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã trả cho bị hại Nguyễn Văn H theo Quyết định xử lý vật chứng số 33 ngày 15/11/2021.

- Đối với 01 xe mô tô loại Sirius, màu đỏ đen, số khung RLCS5C6H0FY176819, số máy 5CH176834, BKS: 86B6-242.86 thu giữ của Nguyễn Văn Q, Q khai nhận mua xe trên của 01 người tên Sang (không rõ nhân thân, lai lịch) tại phường Tân An, thị xã L với giá 1.500.000 đồng. Qua xác minh số khung, số máy, xe mô tô trên thuộc sở hữu là bà Bùi Thị Nữ A, sinh năm: 1996, (HKTT: thôn 1, xã Sơn Mỹ, huyện B), bà A khai nhận đã mất xe trên vào ngày 05/7/2021 tại thôn Đá Mài 1, xã A, huyện B. Xe mô tô trên là vật chứng trong một vụ án tại B nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã chuyển xe mô tô trên đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với 01 điện thoại hiệu Mobell, màu xanh đen và 01 điện thoại Nokia, nắp lưng màu xanh, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã trả cho Nguyễn Văn Q theo Quyết định xử lý vật chứng số 68 ngày 23/12/2021.

Đối với 01 cây rửa dài cán gỗ, kích thước dài khoảng 50cm và 01 bộ còng số 8, hiện đang được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L quản lý.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Văn H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSLG-HS ngày 07/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Cướp tài sản” theo điểm h khoản 2 Điều 168 BLHS; Truy tố bị cáo Trương Thanh T về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Thanh T khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Riêng bị cáo Nguyễn Văn Q cho rằng vào ngày 10/7/2021, bị cáo có đi cùng với Lê Thị Thanh P (Ngọc) và Nguyễn Minh C (C lửa) đi về nhà của P để lấy CMND, Khi gặp anh Nguyễn Văn Hoà đang đứng ven đường, bị cáo chỉ nói “Ê, mày bầy mèo của người ta hả mày” thì C nói “Thôi kệ người ta đi” nên bị cáo không dừng lại mà tiếp tục đi cùng C và P. Được một đoạn thì bị cáo tách ra, rẽ vào hẻm sát café L Land để gặp Nga (bạn bị cáo làm nghề xây dựng) để mượn tiền. Sau khi quay trở lại đường Nguyễn Tri Phương, bị cáo gặp C và P, cả ba tiếp tục đến nhà nghỉ Anh Đào, bị cáo trả tiền thuê phòng nghỉ cho P và C ngủ lại, còn bị cáo thì điều khiển xe đến phòng trọ của Trương Thanh T ngủ lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trương Thanh T và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng Điểm h Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 08 – 09 năm tù.

- Tuyên bố bị cáo Trương Thanh T phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Trương Thanh T từ 18 – 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 – 48 tháng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 cây rửa dài cán gỗ, kích thước khoảng 50 cm và 01 bộ còng số 8.

Phản tranh luận, bị cáo Trương Thanh T thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, Bị cáo Nguyễn Văn Q tranh luận cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi cướp tài sản, lời khai của bị cáo T, bị hại và những người làm chứng là không đúng sự thật. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố oan cho bị cáo, bị cáo không có tội.

Bị hại thống nhất với nội dung luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Lời sau cùng bị cáo Trương Thanh T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn Q không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng, không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, qua tranh tụng, bị cáo Trương Thanh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L đã truy tố. Riêng, bị cáo Nguyễn Văn Q khai: Vào ngày 10/7/2021, bị cáo có đi cùng với Lê Thị Thanh P (Ngọc) và Nguyễn Minh C (C lừa) đi về nhà của P để lấy CMND. Khi gặp bị hại đang đứng ven đường, bị cáo chỉ nói “Ê, mày bầy mèo của người ta hả mày” thì C nói “Thôi kệ người ta đi” nên bị cáo không dừng lại mà tiếp tục đi cùng C và P. Được một đoạn thì bị cáo tách ra, rẽ vào hẻm sát café L Land để gặp Nga (bạn bị cáo làm nghề xây dựng) để mượn tiền. Sau khi quay trở lại đường Nguyễn Tri Phương, bị cáo gặp C và P, cả ba tiếp tục đến nhà nghỉ Anh Đào, bị cáo trả tiền thuê phòng nghỉ cho P và C, rồi điều khiển xe đến phòng trọ của Trương Thanh T để ngủ. Bị cáo không thực hiện hành vi cướp tài sản như cáo trạng truy tố. Tuy nhiên, lời khai này của bị cáo Nguyễn Văn Q mâu thuẫn với các lời khai của bị cáo khác trong vụ án, mâu thuẫn với lời khai của bị hại, lời khai những người làm chứng, các biên bản, bản ảnh hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, cụ thể:

Tại các biên bản hỏi cung bị can và tại phiên tòa, bị cáo T đều khai nhận, “*rạng sáng ngày 10/7/2021, em Q có đến gõ cửa, tôi có dậy nói chuyện với Q, Q kể cho tôi nghe sự việc trước đó Q đang đi trên đường thì gặp người đàn ông bầy mèo, Q có tấp xe và lấy ra một còng số 8 ra đe dọa người đàn ông này. Khi thấy có còng số 8 và bị Q đe dọa thì người này hoảng sợ, bỏ chạy và để lại một chiếc xe, Q đã*

mang xe đi cất giấu vào bãi đất trống thuộc khu tái định cư Rừng Dầu, Q nhờ tôi đi theo Q để mang chiếc xe nói trên về cất giấu giúp và tôi đồng ý. Khi đến nơi, tôi thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ, biển số 86B6-459.85 để gần cây cột điện sát lùm cây bên đường. Q tháo dỡ các dụng cụ bẫy mèo xuống, Q nổ máy chạy trước còn tôi đi theo sau hướng về A, khi đến gần nhà tôi, Q đưa chìa khóa xe cho tôi mang xe đi cất giữ tại nhà của tôi”.

Lời khai của người làm chứng Đinh Thị Mỹ H, thể hiện: “Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 10/7/2021, anh Q đến gọi cửa, tôi có nghe anh Q nói chuyện với T là vừa cướp được một xe mô tô của một người đi bẫy mèo, Q đã mang xe đi giấu và nhờ T đi lấy xe về cất giữ giùm”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Q khai mâu thuẫn, không thống nhất với lời khai của chính bị cáo về lộ trình di chuyển của bị cáo vào rạng sáng ngày 10/7/2021. Lời khai của C và P (Ngọc), đều xác định sau khi Q tấp vào nói chuyện với người bẫy mèo, hai người tiếp tục đi lấy Chứng minh nhân dân và quay lại vị trí Q tấp vào nhưng không thấy Q, đi được một đoạn thì thấy Q đi ra từ con hẻm sát café L Land. Vị trí con hẻm sát café L Land nơi bị cáo khai đã ghé vào nói chuyện với người tên Nga, chính là hiện trường xảy ra vụ chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra, chính quyền địa P xác nhận, tại hẻm sát café L Land không có công trình xây dựng và không có người tên Nga làm nghề xây dựng.

Xét lời khai của của bị hại Nguyễn Văn H, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của bị hại phù hợp với lời khai của người làm chứng Lê Thị Thanh P và Nguyễn Minh C về việc bị cáo Q có tấp xe vào chỗ bị hại H đang đứng bẫy mèo, phù hợp về đặc điểm trang phục mà bị cáo Q mặc vào rạng sáng ngày 10/7/2021 khi tấp xe vào nói chuyện với bị hại H. Lời khai của bị hại H phù hợp với các chi tiết trong đoạn camera mà cơ quan điều tra thu giữ từ camera an ninh thu giữ tại khu vực gần hiện trường vụ việc. Lời khai của bị hại H còn phù hợp với lời khai của bị cáo T về việc bị cáo Q có dùng còng đe dọa, làm bị hại hoảng sợ bỏ chạy, để lại một xe máy tại khu vực khu tái định cư Rừng Dầu. Bị hại H và các bị cáo Q và T không quen biết, chưa từng gặp nhau trước đó nhưng khi cho bị hại H nhận diện người có hành vi đe dọa, chiếm đoạt xe mô tô thì bị hại H đều nhận dạng được bị cáo Q. Đồng thời, tại biên bản xác định hiện trường, bị hại H và bị cáo T xác định phù hợp với nhau về vị trí mà bị cáo Q cất giấu xe mô tô 86B6-459.85.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn Q không khai nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên đối chiếu với lời khai của bị cáo T, bị hại H, lời khai của những người làm chứng cũng như vật chứng thu giữ được khi bắt giữ bị cáo Q là 01 bộ còng số 8, 01 cây rựa cán gỗ kích thước 50 cm, đủ căn cứ khẳng định: “Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 10/7/2021, tại khu tái định cư Rừng Dầu thuộc thôn Bình An 3, xã D, thị xã L, bị cáo Nguyễn Văn Q đã có hành vi rút chìa khóa xe, buộc bị hại dẫn xe đi theo bị cáo vào đoạn đường vắng, sau đó, bị cáo dùng 01 cây rựa, cán gỗ dài khoảng 50 cm và 01 bộ

cồng số 8 đe dọa, buộc bị hại H giờ tay ra phía trước cho bị cáo cồng, làm bị hại hoảng sợ, bỏ chạy, để lại 01 xe moto 86B6-45985, trị giá 12.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô, bị cáo mang giấu vào khu vực bãi đất trống thuộc khu Rừng Dầu và nhờ bị cáo Trương Anh T giúp cất giấu xe trên. Bị cáo Trương Thanh T tuy không hứa hẹn trước, nhưng sau khi được Q kể về việc đã cướp được một xe máy, bị cáo biết rõ xe mô tô 86B6-45985 là do bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội mà có, nhưng bị cáo T vẫn đồng ý cất giấu xe mô tô trên tại nhà của bị cáo.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q đã phạm vào tội “Cướp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự. Hành vi của Trương Thanh T đã phạm vào tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn Q có 03 tiền án về các tội “Cướp giật tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Tại bản án số 172/2017/HSST, Tòa án nhân dân Quận 12 đã áp dụng tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” đối với bị cáo, do vậy, lần phạm tội này của bị cáo Q thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, đây là tình tiết định khung hình phạt quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trương Thanh T về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của các bị cáo là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, hành vi của bị cáo Q còn có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của bị hại, tạo tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo Q có nhân thân rất xấu, nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội và chịu sự trừng phạt của pháp luật nhưng không sửa đổi, nay tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Trương Thanh T, bị cáo là người đã thành niên, có trình độ học vấn nhất định, bị cáo biết rõ xe mô tô 86B6-459.85 là tài sản do bị cáo Q chiếm đoạt mà có nhưng bị cáo bất chấp pháp luật, đồng ý cất giấu xe trên. Hành vi của bị cáo tạo điều kiện để cho tội phạm có nơi cất giấu tài sản chiếm đoạt, tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, tạo động lực, khuyến khích cho người phạm tội thực hiện trót lọt hành vi phạm tội, do vậy Hội đồng xét xử cần xử lý nghiêm khắc.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q không có.

Đối với bị cáo T, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hơn nữa, trong vụ án này, căn cứ vào những lời khai thành khẩn, rõ ràng của bị cáo, tạo điều

kiện cho cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án; tài sản đã thu hồi và trả lại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét thấy, bị cáo Trương Thanh T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, nhân thân tốt, nhất thời phạm tội; bị cáo có nghề nghiệp ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, quá trình điều tra, bị cáo được xem xét cho tại ngoại và trong thời gian tại ngoại, bị cáo không có vi phạm gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên khoan hồng về hình phạt đối với bị cáo, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo T được hưởng án treo, giao bị cáo về địa P nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục để bị cáo có điều kiện ổn định cuộc sống, cũng như thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 cây rửa cán gỗ, dài 50cm và 01 bộ còng số 8, là P tiện phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô 86B6-459.85; 01 điện thoại Nokia, 01 điện thoại mobell; 01 cái lồng sắt, 01 túi balo bên trong có đựng các dụng cụ bẫy mèo, quá trình điều tra đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với 01 xe mô tô loại Sirius, màu đỏ đen, số khung RLCS5C6H0FY176819, số máy 5CH176834, BKS: 86B6-242.86 thu giữ của Nguyễn Văn Q, Quá trình điều tra, xác định, xe trên thuộc sở hữu là bà Bùi Thị Nữ A, là vật chứng trong một vụ án khác trên địa bàn huyện B. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã chuyển xe mô tô trên đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

[6] Về phần dân sự: Quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại xe 86B6-459.85 và tại phiên tòa, bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về phần dân sự, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí, bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Cướp tài sản”; Bị cáo Trương Thanh T phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”

* Căn cứ: Điểm h Khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 13/7/2021.

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 323, Các Điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Trương Thanh T 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án

Giao bị cáo Trương Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người bị phạt tù được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây rựa dài cán gỗ, kích thước dài khoảng 50cm và 01 bộ còng số 8, hiện đang quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo Trương Thanh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- CA tỉnh Bình Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L ;
- Công an thị xã L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - Lưu Tòa án;
- UBND địa P nơi BC cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Yến Nhi

PHIẾU ĐỀ XUẤT

Vụ án hình sự: “ Cướp tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điểm h Khoản 2 Điều 168; Khoản 1 Điều 323 BLHS.

Thụ lý số 18 ngày 09/3/2022, lên lịch xử ngày 25/4/2022

1/ Lý lịch các bị cáo:

1/ NGUYỄN VĂN Q (tên gọi khác: **Sài Gòn**), sinh năm: 1990 tại Trà Vinh; Nơi cư trú: Không xác định; Chỗ ở: Thôn Láng Gòn 2, xã A, huyện B, tỉnh

Bình Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Danh, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Bông (chết), Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án: 03 tiền án

+ Ngày 21/9/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (Bản án số 34/2010/HSST). Q chấp hành xong vào ngày 09/4/2015, chưa được xóa án tích;

+ Ngày 24/9/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 68/2015/HSST). Q chấp hành xong hình phạt vào ngày 04/7/2016, chưa được xóa án tích

+ Ngày 31/8/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 172/2017/HSST). Q chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/3/2021, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 15/11/2005, bị Ủy ban nhân dân thị xã Trà Vinh áp dụng biện pháp xử lý hành chính “đưa vào trường Giáo dưỡng”, trong thời hạn 24 tháng do có hành vi “Đánh nhau làm mất trật tự và trộm cắp tài sản” (Quyết định số 1041/QĐ-UBND)

Bị cáo bị bắt ngày 14/7/2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L.

2/ TRƯƠNG THANH T, sinh năm: 1989 tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn Láng Gòn 2, xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: Khu phố 9, phường C, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn Chung, sinh năm 1961 và bà Trương Thị Sáu (chết), Vợ: Lê Thị Hồng Oanh, sinh năm 1990 (đã ly hôn), Có 01 con, sinh năm 2009; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo hiện tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thị xã L.

* **Bị hại:** **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1993 – Nơi cư trú: Thôn Hiệp Tiên, xã Tân Tiên, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

* **Người làm chứng:**

1/ Anh **Nguyễn Minh C (Lửa)**, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Khu phố 8, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

2/ Chị **Lê Thị Thanh P (Ngọc)**, sinh năm 2003. Nơi cư trú: Khu phố 6, phường C, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

3/ Chị **Đinh Thị Minh H**, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Khu phố 9, phường C, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

2/ Nội dung vụ án:

Vào khoảng 00 giờ 20 phút ngày 10/7/2021, Nguyễn Văn Q điều khiển xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen, BKS: 86B6-242.86 cùng Nguyễn Minh C điều khiển xe mô tô chở Lê Thị Thanh P đi theo hướng từ xã D đến phường C để về nhà P lấy Chứng minh nhân dân thuê nhà nghỉ. Khi đi đến đoạn đường Nguyễn Tri P thuộc thôn Tân Lý 2, xã D, thị xã L, Khu dân cư Rừng Dầu, phía trước Văn phòng giao dịch bất động sản Sài Gòn – B, Q, C và P nhìn thấy Nguyễn Văn H đang đứng bên lề đường cùng 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đỏ đen, BKS: 86B6-459.85, trên xe có 01 lồng sắt cùng 01 Ti đựng dụng cụ bẫy mèo. Lúc này, Q tấp xe vào chỗ Nguyễn Văn H đang đứng, còn C tiếp tục điều khiển xe chở P về nhà P. Sau khi dừng xe, Q hỏi H “Mày làm gì ở đây” thì H trả lời “Em đi bẫy mèo”. Lúc này, Q xuống xe và yêu cầu H bỏ tất cả đồ trong xe cho Q kiểm tra. Sau khi kiểm tra xong, Q rút trong Ti quần ra 01 cái còng số 8 cho H nhìn thấy và bỏ vào Ti quần lại, đồng thời yêu cầu H dắt xe mô tô của H đi về phía trước, đi được một đoạn khoảng 30m, Q yêu cầu H dẫn xe vào đường hẻm sát quán cà phê L Land và tiếp tục đi đến một đoạn đường vắng thì dừng lại. Lúc này, Q lấy từ xe xuống 01 cây rựa cán gỗ, lưỡi bằng kim loại dựng vào bên hông xe, Q tiếp tục rút còng số 8 ra, yêu cầu H đưa tay ra trước để còng tay H. Tại thời điểm đêm khuya, khu vực xảy ra vụ việc dân cư thưa thớt, chìa khóa xe đã bị Q lấy mất, đồng thời nhìn thấy Q có một cây rựa do vậy H hoảng sợ, không dám phản kháng và đưa hai tay ra phía trước. Tuy nhiên, khi Q đang định còng tay H thì H sợ hãi rút tay lại, bỏ chạy khỏi hiện trường, để lại 01 xe mô tô BKS: 86B6-459.85 cùng 01 cái lồng sắt, 01 Ti đựng dụng cụ bẫy mèo trên xe. Sau khi H bỏ đi, Q lấy xe mô tô BKS: 86B6-459.85 của H đem cất giấu ở bụi cây trong khu đất trống cách đường Nguyễn Tri P khoảng 140m.

Sau đó, Q điều khiển xe mô tô BKS: 86B6-242.86 của Q ra lại đường hẻm sát quán cà phê L Land, khi ra đến đường Nguyễn Tri P thì Q thấy C và P đang tìm Q tại khu vực trước Văn phòng giao dịch bất động sản Sài Gòn - B, sau đó, cả 3 đi đến nhà nghỉ Anh Đào thuộc khu phố 3, phường Tân Thiện để thuê phòng nghỉ cho C và P. Trên đường đi, Q nói C lát vô thuê nhà nghỉ rồi để P ở đó, C đi công chuyện với Q một chút, nhưng C và P không đồng ý.

Sau khi đưa tiền cho C để thuê phòng ngủ, lúc này khoảng gần 02 giờ sáng ngày 10/7/2021, Q điều khiển xe mô tô 86B6-242.86 đến phòng trọ của Trương

Thanh T, (đang chung sống với Đinh Thị Minh H) tại khu phố 9, phường C, L). Tại đây, Q đã kể cho T nghe về việc đã cướp được 01 xe mô tô, lúc này, H cũng thức dậy và nghe được toàn bộ sự việc. Q nhờ T đi mang xe về giúp, T đồng ý. Q dùng xe mô tô 86B6-242.86 chở T đến vị trí mà Q cất giấu xe. Tại vị trí cất giấu xe, T thấy 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 86B6-459.85, 01 lồng sắt cùng một số đồ vật. Sau đó, Q tháo dỡ cái lồng sắt và cái Ti nhựa trên xe của H ném xuống đất. Q điều khiển xe mô tô 86B6-459.85 của H còn T điều khiển xe mô tô của Q, cả 2 đi đường Thống Nhất về xã A, huyện B. Khi đến gần nhà của T tại thôn Láng Gòn 1, xã A, huyện B, thì Q đưa xe đã cướp của H cho T điều khiển vào nhà T cất giữ, rồi cả 2 điều khiển xe về lại nhà trọ của T ngủ.

Đối với Nguyễn Văn H, sau khi bị Nguyễn Văn Q uy hiếp, H bỏ chạy về hướng chợ Bình An thuộc thôn Bình An 1, xã D, thị xã L. Tại đây, H gọi điện cho người thân và đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 10/7/2021, H đến Công an xã D, thị xã L trình báo sự việc. Đồng thời, H giao nộp cho Cơ quan CSĐT các tài sản, đồ vật của H nhặt lại được ở gần hiện trường nơi xảy ra vụ cướp tài sản gồm: 01 cái lồng sắt, 01 Ti ba lô bên trong đựng các dụng cụ để bẫy mèo.

Đến ngày 13/7/2021, qua quá trình xác minh, theo dõi, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã bắt khẩn cấp và tạm giữ hình sự đối với Nguyễn Văn Q. Quá trình tạm giữ, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã thu giữ của Q 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ đen, BKS: 86B6-242.86; 01 bộ cồng số 8; 01 cây rựa cán gỗ kích thước 50cm; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh (nắp lưng); 01 điện thoại di động hiệu mobell màu xanh đen.

Sau khi nghe tin Q bị bắt, Trương Thanh T lo sợ bị phát hiện nên đã liên lạc cho con ruột của mình là Trương Lê Thanh Tuấn, sinh năm: 2009, đem xe mô tô 86B6-459.85 qua nhà ông nội của Tuấn là Trương Văn Chung (cha ruột của T), để cất giấu. Sau đó, Cơ quan CSĐT đã tiến hành tạm giữ xe mô tô trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-ĐGTS ngày 14/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thị xã L xác định: 01 xe mô tô hiệu Honda loại Wave, màu đỏ đen bạc, biển số 86B6-459.85, đã qua sử dụng, có giá trị là: 12.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn Q không nhận tội, cố tình che giấu hành vi phạm tội của bản thân. Q khai nhận khi đi cùng Nguyễn Minh C và Lê Thị Thanh P thì Q thấy H đang đậu xe ở đường Nguyễn Tri P, sau đó Q tiếp tục điều khiển xe đi cùng với C và P chứ không dừng xe lại. Đi được một đoạn thì Q ghé vào nhà anh Nga ở khu dân cư Rừng Dầu để nói chuyện. Sau đó, Q trở ra thì gặp

lại C và P, cả ba tiếp tục đi thuê nhà nghỉ cho C và P, còn Q một mình đi xuống phòng trọ của Trương Thanh T để ngủ. Đến chiều ngày 11/7/2021, Q điều khiển xe về nhà lại thì được Cơ quan điều tra mời về trụ sở làm việc.

Vật chứng vụ án: Gồm có 01 xe mô tô loại Wave, màu đỏ đen, BKS: 86B6-459.85, 01 lồng sắt, 01 Ti đựng các đồ vật dùng để bày mìn, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã trả cho bị hại Nguyễn Văn H theo Quyết định xử lý vật chứng số 33 ngày 15/11/2021.

- Đối với 01 xe mô tô loại Sirius, màu đỏ đen, số khung RLCS5C6H0FY176819, số máy 5CH176834, BKS: 86B6-242.86 thu giữ của Nguyễn Văn Q, Q khai nhận mua xe trên của 01 người tên Sang (không rõ nhân thân, lai lịch) tại phường Tân An, thị xã L với giá 1.500.000 đồng. Qua xác minh số khung, số máy, xe mô tô trên thuộc sở hữu là bà Bùi Thị Nữ Ái, sinh năm: 1996, (HKTT: thôn 1, xã Sơn Mỹ, huyện B), bà Ái khai nhận đã mất xe trên vào ngày 05/7/2021 tại thôn Đá Mài 1, xã A, huyện B. Xe mô tô trên là vật chứng trong một vụ án tại B nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã ra thông báo và chuyển hồ sơ, xe mô tô trên đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với 01 điện thoại hiệu Mobell, màu xanh đen và 01 điện thoại Nokia, nắp lưng màu xanh, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã trả cho Nguyễn Văn Q theo Quyết định xử lý vật chứng số 68 ngày 23/12/2021.

Đối với 01 cây rửa dài cán gỗ, kích thước dài khoảng 50cm và 01 bộ còng số 8, hiện đang được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L quản lý.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Văn H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự.

3/ Truy tố của VKS:

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSLG-HS ngày 07/3/2022 của VKSND thị xã L đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Cướp tài sản” theo Điều h Khoản 2 Điều 168 BLHS; Bị cáo Trương Thanh T về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 BLHS;

4/ Quan điểm:

- Mặc dù bị cáo Nguyễn Văn Q không nhận tội, tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như lời khai của bị cáo T, lời khai người làm chứng Đinh Thị Mỹ H, C Lửa và P cũng như vật chứng đã được thu giữ gồm có 01 cây rửa và 01 bộ còng số 8, có đủ căn cứ kết tội bị cáo, cụ thể:

- Tại các biên bản hỏi cung bị can và tại phiên tòa, bị cáo T đều khai nhận, “rạng sáng ngày 10/7/2021, em Q có đến gõ cửa, tôi có dậy nói chuyện với Q, Q kể cho tôi nghe sự việc trước đó Q đang đi trên đường thì gặp người đàn ông bấy mẻo, Q có tắt xe và lấy ra một còng số 8 ra đe dọa người đàn ông này. Khi thấy có còng số 8 và bị Q đe dọa thì người này hoảng sợ, bỏ chạy và để lại một chiếc xe, Q đã mang xe đi cất giấu vào bãi đất trống thuộc khu tái định cư Rừng Dầu, Q nhờ tôi đi theo Q để mang chiếc xe nói trên về cất giấu giúp và tôi đồng ý”.

- Lời khai của người làm chứng Đinh Thị Mỹ H, thể hiện: “Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 10/7/2021, anh Q đến gọi cửa, tôi có nghe anh Q nói chuyện với T là vừa cướp được một xe mô tô của một người đi bấy mẻo, Q đã mang xe đi giấu và nhờ T đi lấy xe về cất giữ giùm”.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Q khai lan man, không thống nhất với lời khai của chính bị cáo về lộ trình di chuyển của bị cáo vào rạng sáng ngày 10/7/2021. Lời khai của C và P (Ngọc), đều xác định sau khi Q tắt vào nói chuyện với người bấy mẻo, hai người tiếp tục đi lấy Chứng minh nhân dân và quay lại vị trí Q tắt vào nhưng không thấy Q, đi được một đoạn thì thấy Q đi ra từ con hẻm sát café L Land. Vị trí con hẻm sát café L Land nơi bị cáo khai đã ghé vào nói chuyện với người tên Nga, chính là hiện trường xảy ra vụ việc chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra, chính quyền địa P xác nhận, tại hẻm sát café L Land không có công trình xây dựng và không có người tên Nga làm nghề xây dựng.

Xét lời khai của của bị hại Nguyễn Văn H, nhận thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, có trong hồ sơ vụ án, như lời khai của người làm chứng Lê Thị Thanh P và Nguyễn Minh C về việc bị cáo Q có tắt xe vào chỗ bị hại H đang đứng bấy mẻo, phù hợp về đặc điểm trang phục mà bị cáo Q mặc vào rạng sáng ngày 10/7/2021 khi tắt xe vào nói chuyện với bị hại H. Lời khai của bị hại H phù hợp với các chi tiết trong đoạn camera mà cơ quan điều tra thu giữ từ camera an ninh thu giữ tại khu vực gần hiện trường vụ việc. Lời khai của bị hại H còn phù hợp với lời khai của bị cáo T về việc bị cáo Q có dùng còng đe dọa, làm bị hại hoảng sợ bỏ chạy, để lại một xe máy tại khu vực khu tái định cư Rừng Dầu. Bị hại H và các bị cáo Q và T không quen biết, chưa từng gặp nhau trước đó nhưng khi cho bị hại H nhận diện người có hành vi đe dọa, chiếm đoạt xe mô tô thì bị hại H đều nhận dạng được bị cáo Q. Đồng thời, tại biên bản xác định hiện trường, bị hại H và bị cáo T xác định phù hợp với nhau về vị trí mà bị cáo Q cất giấu xe mô tô 86B6-459.85. Lời khai của bị hại H về những P tiên bị cáo Q sử dụng để đe dọa, chiếm đoạt tài sản phù hợp với các vật chứng là 01 bộ còng số 8; 01 cây rựa cán gỗ kích thước 50 cm, Cơ quan điều tra thu giữ được khi bắt giữ bị cáo Nguyễn Văn Q,

Từ các chứng cứ nêu trên, đủ căn cứ khẳng định: “Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 10/7/2021, tại khu tái định cư Rừng Dầu thuộc thôn Bình An 3, xã D, thị xã L, bị cáo Nguyễn Văn Q đã có hành vi rút chìa khóa xe, buộc bị hại dẫn xe đi theo bị cáo vào đoạn đường vắng, sau đó, bị cáo dùng 01 cây rựa, càn gỗ dài khoảng 50 cm và 01 bộ còng số 8 đe dọa, buộc bị hại H giơ tay ra phía trước cho bị cáo còng, làm bị hại hoảng sợ, bỏ chạy, để lại 01 xe moto 86B6-45985, có trị giá 12.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô, bị cáo mang giấu vào khu vực bãi đất trống thuộc khu Rừng Dầu và nhờ bị cáo Trương Anh T giúp cất giấu xe trên. Bị cáo Trương Thanh T tuy không hứa hẹn trước, nhưng sau khi được Q kể về việc đã cướp được một xe máy, bị cáo biết rõ xe mô tô 86B6-45985 là do bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội mà có, nhưng bị cáo T vẫn đồng ý cất giấu xe mô tô trên tại nhà của bị cáo.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q đã phạm vào tội “Cướp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự. Hành vi của Trương Thanh T đã phạm vào tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn Q có 03 tiền án về các tội “Cướp giật tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Tại bản án số 172/2017/HSST, Tòa án nhân dân Quận 12 đã áp dụng tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” đối với bị cáo, do vậy, lần phạm tội này của bị cáo Q thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, đây là tình tiết định khung hình phạt quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trương Thanh T về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Về tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q không có.

Đối với bị cáo T, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hơn nữa, trong vụ án này, căn cứ vào những lời khai thành khẩn, rõ ràng của bị cáo, tạo điều kiện cho cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự,

* **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Cướp tài sản”; Bị cáo Trương Thanh T phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”

* Căn cứ: Điểm h Khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 08 đến 09 năm tù, thời hạn chấp hành được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 13/7/2021.

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 323, Các Điểm i, s, t Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Trương Thanh T 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án

Giao bị cáo Trương Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người bị phạt tù được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây rựa dài cán gỗ, kích thước dài khoảng 50cm và 01 bộ công số 8, hiện đang quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo Trương Thanh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án hợp lệ tại địa P.

Người đề xuất

Đào Thị Yến Nhi

**TÒA ÁN THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 ngày 28 tháng 4 năm 2022;

Tại: Phòng nghị án, Tòa án thị xã Lagi

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Yên Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2022 đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn Q (Sài Gòn); sinh năm 1990 tại Trà Vinh

Bị cáo Trương Thanh T, sinh năm 1989 tại Bình Thuận.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

a) Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, không thuộc trường hợp trả hồ sơ bổ sung;

*Kết quả biểu quyết: 3/3

b) Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập đều hợp pháp;

*Kết quả biểu quyết: 3/3

c) Căn cứ kết tội bị cáo:

- Mặc dù bị cáo Nguyễn Văn Q không nhận tội, tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết tội bị cáo, cụ thể:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Q khai lan man, không thống nhất với lời khai của chính bị cáo về lộ trình di chuyển của bị cáo vào rạng sáng ngày 10/7/2021. Lời khai Q mâu thuẫn với lời khai của C và P (Ngọc) về một số tình tiết trong vụ án, như Q có tập vào nói chuyện với H hay không, C lừa có nói: thôi kệ người ta đi”, sau đó, C lừa có gọi điện cho Q hay không....

Q khai có ghé vào hẻm sát bên quán café L Lanh để nói chuyện với người tên Nga nhưng quá trình điều tra chứng tỏ không có người tên Nga làm nghề xây dựng như Q khai, Đồng thời, vị trí con hẻm sát café L Land, Q khai ghé vào gặp Nga chính là hiện trường xảy ra vụ việc chiếm đoạt tài sản.

Lời khai của bị cáo T, người làm chứng H thống nhất và phù hợp với lời khai của bị hại cũng như các tài liệu chứng cứ khác (bản ảnh hiện trường vụ chiếm đoạt; nơi giấu xe, hành vi dùng còng tay yêu cầu bị hại đưa tay ra trước để còng làm bị hại sợ và chạy, để lại xe mô tô cho bị cáo chiếm đoạt)

Lời khai của bị hại phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp vật chứng thu giữ (cây rựa, bộ còng), nội dung thể hiện trong đoạn camera của hộ dân sinh sống gần hiện trường vụ án. Bị hại nhận diện được bị cáo. Bị hại khai thống nhất với người làm chứng về trang phục bị cáo mặc vào ngày xảy ra vụ việc (10/7/2021)

Từ các chứng cứ nêu trên, đủ căn cứ khẳng định: “Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 10/7/2021, tại khu tái định cư Rừng Dầu thuộc thôn Bình An 3, xã D, thị xã L, bị cáo Nguyễn Văn Q đã có hành vi rút chìa khóa xe, buộc bị hại dẫn xe đi theo bị cáo vào đoạn đường vắng, sau đó, bị cáo dùng 01 cây rựa, càn gỗ dài khoảng 50 cm và 01 bộ còng số 8 đe dọa, buộc bị hại H giơ tay ra phía trước cho bị cáo còng, làm bị hại hoảng sợ, bỏ chạy, để lại 01 xe moto 86B6-45985. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô, bị cáo mang giấu vào khu vực bãi đất trống thuộc khu Rừng Dầu và nhờ bị cáo Trương Anh T giúp cất giấu xe trên. Bị cáo Trương Thanh T tuy không hứa hẹn trước, nhưng sau khi được Q kể về việc đã cướp được một xe máy, bị cáo biết rõ xe mô tô 86B6-45985 là do bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội mà có, nhưng bị cáo T vẫn đồng ý cất giấu xe mô tô trên tại nhà của bị cáo.

Như vậy, hành vi của Q đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo Điều h Khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS năm 2015

Hành vi của Trương Thanh T đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

*Kết quả biểu quyết: 3/3

d) Hình phạt:

- Ý kiến của....: Từ phân tích trên ông đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q Xử phạt bị cáo Trương Thanh T nhưng cho hưởng án treo.
Thời gian thử thách từ ...

- Ý kiến **ông Thanh**: Ông thống nhất với phân tích và đề nghị của, đề nghị xử phạt bị cáo Q, xử phạt bị cáo T nhưng cho hưởng án treo.
Thời gian thử thách từ ...

- Ý kiến chủ tọa: Thống nhất với phân tích và đề nghị trên của hai Hội thẩm, đề nghị xử phạt bị cáo Q; Bị cáo T nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ ...

* Kết quả biểu quyết : 3/3

- Biện pháp tư pháp; Không .

- Trách nhiệm bồi thường thiệt hại; Không

*Kết quả biểu quyết: 3/3

đ) Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự; Không

*Kết quả biểu quyết: 3/3

e) Án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST

- Xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây rựa dài cán gỗ, kích thước dài khoảng 50cm và 01 bộ công số 8, hiện đang quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L.

*Kết quả biểu quyết : 3/3

g) Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp;

*Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 4 năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**
Số: 21/2022/HSST-QĐTG

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

L, ngày 25 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Yến Nhi**.

Các hội thẩm nhân dân:

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy, cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Tạm giam bị cáo: **Nguyễn Văn Q** (tên gọi khác: Sài Gòn); sinh năm: 1990 tại Trà Vinh;

Nghề nghiệp: Không;

Nơi cư trú: Không ổn định

Chỗ ở: Thôn Láng Gòn, xã A, huyện B, Bình Thuận

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 09 (chín) năm về tội “Cướp tài sản”.

Theo Điều h Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Thời hạn tạm giam là: 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (25/4/2022).

Điều 2: Cơ sở giam giữ Nhà tạm giữ - Công an thị xã L có trách nhiệm thi hành quyết định này.

****Nơi Nhận:***

- Nhà tạm giữ Công an thị xã L;
- VKSND thị xã L;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÀO THỊ YẾN NHI

